

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/ 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Duy Thanh;
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết Th, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 7, khóm T, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 7, khóm T, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị Th và anh H vắng mặt tại phiên tòa có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Lê Thị Tuyết Th trình bày:

Vào năm 2007, chị và anh Nguyễn Thanh H tự tìm hiểu, yêu thương nhau nên tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh H không lo làm ăn, hay uống rượu, cờ bạc nên nhiều lần cãi vã và đánh đập chị. Ngày 07/12/2018, anh H dùng dao đâm chị gây thương tích,

bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Nhận thấy, vợ chồng không thể chung sống, tình cảm đối với anh H không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 09/11/2007. Chị yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Th về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian sống chung, con chung. Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra đúng như chị Th trình bày, nguyên nhân xuất phát từ lỗi của anh. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Do anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Định Thành, không có điều kiện nuôi con nên đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Th V, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn có yêu cầu không hòa giải nên Tòa án không tiếp hành hòa giải.

Tại phiên tòa,

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán công bố lời khai của đương sự;

- Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Giữa bà Th với ông H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng, nhưng trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng có xảy mâu thuẫn cãi vã nhau, ông H có hành vi bạo lực gia đình và bị Tòa án xử về tội cố ý gây thương tích, hiện đang chấp hành án tại trại giam Định Thành. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th, ông H không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở; Về tài sản chung - nợ chung: bà Th không yêu cầu giải

quýt; Về con chung: Hiện nay ông H đang chấp hành án, nên không thể chăm sóc con chung. Do đó, đề nghị giao con chung cho bà Th được nuôi dạy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc vào ngày 13/4/2007, giấy chứng nhận kết hôn số 74 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, tài liệu, chứng cứ là bản sao Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định, trong quá trình chung sống, bị đơn đã có hành vi bạo lực với nguyên đơn. Hậu quả làm nguyên đơn bị thương tích với tỷ lệ 14%, bị đơn bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn còn thống nhất với nhau về việc bị đơn thường uống rượu, cờ bạc. Đồng thời, bị đơn thống nhất ly hôn với bị đơn. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 09/11/2007.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất nguyên đơn được trực tiếp nuôi dạy chung chung. Mặt khác, bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Định Thành. Xét thấy, thỏa thuận của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Nguyên đơn cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bị đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, bà Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết Th được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết Th được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 09/11/2007. Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi chấy V.

Chị Lê Thị Tuyết Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lê Thị Tuyết Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003280 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; chị Th đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, chị Th, anh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức